

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỨC ĐỘ THÍCH ỨNG VỚI HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

ĐẶNG THỊ LAN* - TRƯƠNG THỊ THẢO**

Ngày nhận bài: 28/10/2016; ngày sửa chữa: 19/12/2016; ngày duyệt đăng: 19/12/2016.

Abstract: The level of adaptation to ethnic minority students' learning activities at Hong Duc University has been influenced by both of the objective and subjective factors. In which, the second is more influential than the first one. Finding out these factors is a vital basis to propose solutions improving the level of adaptation to ethnic minority students' learning activities at Hong Duc University.

Keywords: Level of adaptation, learning activities, ethnic minority students, factors.

1. Đặt vấn đề

Thích ứng với hoạt động học tập (HĐHT) có vai trò rất quan trọng đối với sinh viên (SV) dân tộc thiểu số (DTTS), giúp các em định hướng, điều khiển, điều chỉnh một cách tự giác, tích cực nhận thức, thái độ và hành vi của bản thân để đáp ứng được các yêu cầu của việc học tập. Trong môi trường đại học, SV DTTS tiến hành HĐHT với các phương pháp tự học là chủ yếu, điều đó đòi hỏi các em có sự thay đổi tương đối lớn trong phương pháp cũng như thái độ học tập. Việc tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến mức độ thích ứng với HĐHT của SV DTTS Trường Đại học Hồng Đức là cơ sở quan trọng để tìm ra những biện pháp nhằm cải thiện mức độ thích ứng với HĐHT của các em.

2. Một số vấn đề lí luận

- HĐHT của SV DTTS là một hoạt động nhận thức cơ bản được thực hiện dưới sự hướng dẫn của cán bộ giảng dạy, nhằm lĩnh hội, nắm vững hệ thống kiến thức, kĩ năng về một loại nghề nào đó, làm cơ sở cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai [1].

- *Mức độ thích ứng với HĐHT của SV DTTS:* Thích ứng với HĐHT là quá trình SV tạo nên những biến đổi trong đời sống tâm lí của mình trước điều kiện học tập mới. Sự biến đổi này nhằm đáp ứng yêu cầu của HĐHT và hình thành nên những cấu tạo tâm lí mới đảm bảo cho SV tiến hành HĐHT có kết quả [2]. Thích ứng với HĐHT của SV thể hiện sự thay đổi ở ba mặt: *nhận thức, thái độ và kĩ năng* trong HĐHT. Sự thay đổi này giúp SV hình thành nên những cấu trúc tâm lí mới trong HĐHT, đáp ứng yêu cầu của phương thức học tập ở đại học. *Mức độ thích ứng với HĐHT của SV DTTS* là phạm vi biến đổi về mặt nhận thức, thái độ và

kĩ năng của SV đáp ứng yêu cầu của HĐHT đảm bảo cho họ tiến hành HĐHT có hiệu quả [2].

- *Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ thích ứng với HĐHT của SV DTTS:*

+ *Nhóm các yếu tố khách quan:* Sự biến động lớn về môi trường học tập; nội dung học tập nhiều, lượng kiến thức lớn; giảng viên yêu cầu cao đối với SV DTTS về phương pháp tự học, tự nghiên cứu; phương pháp giảng dạy của giảng viên (GV) rất khác so với phổ thông; thư viện phục vụ chưa đáp ứng được nhu cầu đọc của SV; thiếu giáo trình và tài liệu tham khảo; phòng học đông SV; điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế...

+ *Nhóm các yếu tố chủ quan:* SV DTTS chưa quen với môi trường học tập mới ở đại học; SV DTTS chưa thấy được vai trò của việc lĩnh hội tri thức, kĩ năng và kĩ xảo ở đại học đối với nghề nghiệp của mình sau này; SV DTTS chưa quen với phương pháp học tập ở đại học, còn e ngại khi trao đổi ý kiến về học tập với thầy cô và bạn bè; SV DTTS chưa hiểu biết và thực hành tốt các công việc của HĐHT ở đại học... [3].

3. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng hệ thống các phương pháp nghiên cứu như: quan sát, đàm thoại, điều tra bằng bảng hỏi... để tìm hiểu sự ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan và khách quan đến mức độ thích ứng với HĐHT của SV DTTS Trường Đại học Hồng Đức, trong đó phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi. Xây dựng câu hỏi để điều tra như sau: "*Hãy cho biết những yếu tố sau ảnh hưởng đến HĐHT của bạn ở mức độ*

* Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

** Trường Đại học Hồng Đức

nào? (Bạn chỉ cần đánh dấu vào cột phù hợp với ý kiến của bạn: Gần như không ảnh hưởng, ảnh hưởng ít và ảnh hưởng nhiều)”.
 Nghiên cứu được tiến hành vào tháng 3-6/2016, trên 270 SV DTTS Trường Đại học Hồng Đức.

Thang đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố đến mức độ thích ứng với HĐHT của SV DTTS Trường Đại học Hồng Đức như sau: $\bar{X} = 1,00-1,66$: Gần như không ảnh hưởng; $\bar{X} = 1,67-2,33$: Ảnh hưởng ít; $\bar{X} = 2,34-3,0$: Ảnh hưởng nhiều.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Các yếu tố khách quan (bảng 1):

Bảng 1. Ảnh hưởng của các yếu tố khách quan đến mức độ thích ứng với HĐHT của SV DTTS Trường Đại học Hồng Đức

TT	Yếu tố khách quan	\bar{X}	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
1	Sự biến động lớn về môi trường học tập	2,48	0,666	1
2	Nội dung học tập nhiều, lượng kiến thức lớn	2,45	0,636	2
3	GV yêu cầu cao đối với SV DTTS về phương pháp tự học, tự nghiên cứu	2,25	0,696	8
4	Phương pháp giảng dạy của GV rất khác so với phổ thông	2,27	0,676	7
5	GV chưa chú ý hướng dẫn SV DTTS phương pháp học ở đại học	2,16	0,651	10
6	GV ít chú ý đến đặc điểm tâm lý riêng của SV DTTS	2,20	0,612	9
7	Thư viện phục vụ chưa đáp ứng được nhu cầu đọc của SV	2,41	0,632	4
8	Thiếu giáo trình và tài liệu tham khảo	2,39	0,628	3
9	Phòng học đông SV	2,35	0,620	5
10	Điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế	2,30	0,625	6
\bar{X}_{chung}		2,33		

Bảng 1 cho thấy: Các yếu tố khách quan có ảnh hưởng nhiều đến mức độ thích ứng với HĐHT của SV DTTS Trường Đại học Hồng Đức (\bar{X} chung là 2,33), trong đó, yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất là sự biến động lớn về môi trường học tập ($\bar{X} = 2,48$), xếp thứ hai là nội dung học tập nhiều, dung lượng kiến thức lớn ($\bar{X} = 2,45$). Phần lớn SV DTTS Trường Đại học Hồng Đức cư trú ở các huyện miền núi, kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, các em đã quen với môi trường học tập ở phổ thông với nội dung, phương pháp học tập không thay đổi nhiều trong suốt quá trình học tập; ở trường đại học, nội dung học tập nhiều, dung lượng kiến thức lớn đòi hỏi ở SV DTTS tính tự giác, tích cực trong học tập ngày càng cao. Yếu tố có ảnh hưởng nhiều thứ ba là thiếu giáo trình và tài liệu tham khảo

($\bar{X} = 2,41$), xếp thứ tư là thư viện phục vụ chưa đáp ứng được nhu cầu đọc của SV (\bar{X} là 2,39), xếp thứ năm là phòng học đông SV (\bar{X} là 2,35), xếp thứ sáu là điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế (\bar{X} là 2,30). Các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện học tập như thư viện, giáo trình, tài liệu tham khảo, phòng học, máy tính... có ảnh hưởng không nhỏ đến mức độ thích ứng với HĐHT của SV DTTS. Trong những năm qua, nhà trường đã đầu tư xây dựng các phòng học, các phòng đa năng, phòng thí nghiệm, thực hành...; bổ sung sách và tài liệu tham khảo ở thư viện nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng vào học tập của SV. Nhiều SV DTTS cũng cho biết, phòng học đông SV, chật chội, ồn ào khiến cho các em không tập trung được vào việc tiếp thu kiến thức ở trên lớp; nhiều môn học còn ít tài liệu tham khảo, các phòng học đa năng cho các môn học đặc thù còn nhiều thiếu thốn... Xếp thứ bảy là phương pháp giảng dạy của GV rất khác so với phổ thông (\bar{X} là 2,27), xếp thứ tám là GV yêu cầu cao đối với SV DTTS về phương pháp tự học, tự nghiên cứu (\bar{X} là 2,25), xếp thứ chín là GV ít chú ý đến đặc điểm tâm lý riêng của SV DTTS (\bar{X} là 2,20), cuối cùng là GV chưa chú ý hướng dẫn SV DTTS phương pháp học ở đại học (\bar{X} là 2,16). Thực trạng này cho thấy, việc tiếp cận với phương pháp giảng dạy mới từ phía GV cũng ảnh hưởng đến mức độ thích ứng với HĐHT của SV DTTS. Ở đại học, GV giảng dạy chủ yếu theo phương pháp hướng dẫn - tự học và yêu cầu cao ở SV khả năng tự học, tự nghiên cứu; SV DTTS cần có tính tích cực, chủ động cao trong học tập thì mới chiếm lĩnh được các nội dung tri thức khoa học đa dạng, nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, do chưa bắt kịp với sự thay đổi của các phương pháp học tập nên SV DTTS cho rằng, GV yêu cầu cao, phương pháp giảng dạy của GV khác so với phổ thông ảnh hưởng lớn đến mức độ thích ứng với HĐHT của các em; đồng thời, do tính nhút nhát, rụt rè, ngại giao tiếp nên nhiều SV ngại hỏi, ngại trao đổi với thầy cô, với bạn bè về các phương pháp học tập; một số em cho rằng, GV chưa chú ý hướng dẫn SV DTTS phương pháp học tập và chưa chú ý nhiều đến những đặc điểm tâm lý riêng của các em khiến cho các em chưa tự tin trong học tập. Thực tế này cho thấy, GV ở Trường Đại học Hồng Đức cần quan tâm hơn đến việc hướng dẫn phương pháp học tập và chú ý đến những đặc điểm tâm lý riêng của SV DTTS để giúp các em thích ứng nhanh hơn với HĐHT ở trường đại học.

Như vậy, trong các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến mức độ thích ứng với HĐHT của SV DTTS thì yếu tố về sự biến động lớn của môi trường học tập có

ảnh hưởng nhiều nhất. Điều này đặt ra cho nhà trường cần có những biện pháp để rút ngắn khoảng cách về sự khác biệt giữa môi trường học tập ở phổ thông và đại học để SV có thể thích ứng nhanh hơn và đạt kết quả học tập cao hơn.

4.2. Các yếu tố chủ quan (bảng 2):

Bảng 2. Ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan đến mức độ thích ứng với HĐHT của SV DTTS Trường Đại học Hồng Đức

STT	Yếu tố chủ quan	\bar{X}	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
1	Chưa quen với môi trường học tập mới ở đại học	2,31	0,628	7
2	Chưa thấy được vai trò của việc lĩnh hội tri thức, kĩ năng và kĩ xảo ở đại học đối với nghề nghiệp của mình sau này	2,45	0,568	3
3	Chưa quen với phương pháp học tập ở đại học	2,51	0,523	1
4	Chưa tích cực, chủ động và quyết tâm học tập tốt	2,48	0,570	2
5	Chưa tự tin vào bản thân trong học tập	2,39	0,623	5
6	Năng lực học tập của bản thân còn hạn chế	2,33	0,649	6
7	Còn e ngại khi trao đổi ý kiến về học tập với thầy cô và bạn bè	2,27	0,644	9
8	Luôn cho rằng mình là đối tượng được ưu tiên trong học tập	2,29	0,726	8
9	Vốn ngôn ngữ tiếng Việt còn hạn chế	2,25	0,733	10
10	Chưa hiểu biết và thực hành tốt các công việc của HĐHT ở đại học	2,41	0,626	4
\bar{X}_{chung}		2,37		

Bảng 2 cho thấy: Các yếu tố chủ quan có ảnh hưởng nhiều đến mức độ thích ứng với HĐHT của SV DTTS (\bar{X} chung 2,37), trong đó, yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất là *chưa quen với phương pháp học tập ở đại học* ($\bar{X} = 2,51$). So với phương pháp học tập ở phổ thông thì phương pháp học tập ở đại học có tính chất tự học, tự nghiên cứu, đòi hỏi người học phải tích cực, chủ động trong quá trình chiếm lĩnh tri thức. Những thay đổi về phương pháp học tập làm cho SV DTTS chưa kịp thích ứng khiến cho kết quả học tập chưa được như mong muốn. Vì vậy, để nhanh chóng làm quen với HĐHT ở đại học, SV DTTS phải có những phương pháp học tập phù hợp với yêu cầu của HĐHT.

Yếu tố chủ quan có ảnh hưởng lớn thứ hai là *chưa tích cực, chủ động và quyết tâm học tập tốt* (là 2,48). Bước vào đại học, nhiều SV DTTS vẫn giữ phương pháp học tập ở phổ thông, chưa hình thành được các phương pháp học tập mới ở đại học, chưa tích cực, chủ động trong học tập; nhiều em vẫn còn thụ động, lười biếng và bị ảnh hưởng bởi các vấn đề khác trong

cuộc sống làm cho các em “xao nhãng” việc học tập. Điều này làm cho việc làm quen với môi trường học tập ở đại học trở nên khó khăn hơn.

Các yếu tố chủ quan tiếp theo là SV DTTS *chưa thấy được vai trò của việc lĩnh hội tri thức và kĩ năng, kĩ xảo ở đại học đối với nghề nghiệp của mình sau này* (\bar{X} là 2,45), *chưa hiểu biết và thực hành tốt các công việc của HĐHT ở đại học* (\bar{X} là 2,41), *chưa tự tin vào bản thân trong học tập* (\bar{X} là 2,39) và *năng lực học tập của bản thân còn hạn chế* (\bar{X} là 2,33). Trong những năm đầu của bậc đại học, SV chủ yếu được lĩnh hội những kiến thức về các khoa học nền tảng, cơ sở cho các khoa học khác như: *Nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* (trong đó có Triết học, Kinh tế chính trị...), các môn học đại cương. Những năm tiếp theo, SV mới được tiếp cận với những môn học của chuyên ngành mình được đào tạo. Nhiều SV DTTS cho rằng, việc học tập những kiến thức không liên quan đến chuyên ngành được đào tạo không có ích lợi gì nên dễ “chênh mảng”. Mặt khác, năng lực học tập của nhiều em còn hạn chế, các em chưa tự tin trong học tập, nhiều em chưa có hiểu biết về các công việc của hoạt động học ở đại học dẫn đến việc khó làm quen với HĐHT. Yếu tố chủ quan xếp thứ bảy là SV DTTS *chưa quen với môi trường học tập mới ở đại học* (\bar{X} là 2,31). So với bậc học phổ thông thì môi trường học tập ở đại học mang tính năng động, sáng tạo, đòi hỏi ở SV DTTS các kĩ năng tự tổ chức sắp xếp thời gian, xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân và thực hiện nghiêm túc. Đối với nhiều SV DTTS có tính thụ động, ỷ lại, trông chờ khiến việc làm quen với môi trường học tập ở đại học gặp nhiều khó khăn dẫn đến kết quả học tập chưa cao.

Những yếu tố chủ quan có ảnh hưởng ít nhất đến mức độ thích ứng với HĐHT của SV DTTS là *luôn cho rằng mình là đối tượng được ưu tiên trong học tập* (xếp thứ tám với \bar{X} là 2,29), *còn e ngại khi trao đổi ý kiến về học tập với thầy cô và bạn bè* (xếp thứ chín với \bar{X} là 2,27) và cuối cùng là *vốn ngôn ngữ tiếng Việt còn hạn chế* (\bar{X} là 2,25). SV DTTS có tính rụt rè, e ngại trong giao tiếp nên ngại trao đổi ý kiến với bạn bè, thầy cô. Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy rằng, SV DTTS có vốn ngôn ngữ tiếng Việt khá phong phú, các em có thể giao tiếp bằng tiếng Việt thuận lợi, tuy nhiên, vẫn còn một số em cho rằng, bản thân là người DTTS nên cần được ưu tiên trong học tập. Điều này cũng ảnh hưởng đến mức độ thích ứng với HĐHT ở trường đại học của các em.

Kết quả nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ thích ứng với HĐHT của SV DTTS Trường Đại học Hồng Đức cho thấy, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến mức độ thích ứng với HĐHT của SV DTTS; trong đó, các yếu tố chủ quan có ảnh hưởng nhiều hơn so với các yếu tố khách quan. Chưa quen với phương pháp học tập ở đại học là yếu tố chủ quan và Sự biến động lớn về môi trường học tập là yếu tố khách quan có ảnh hưởng nhiều nhất đến mức độ thích ứng với HĐHT của SV DTTS ở Trường Đại học Hồng Đức. Đây là cơ sở thực tiễn để chúng tôi đề xuất những biện pháp tác động giúp SV DTTS cải thiện mức độ thích ứng với HĐHT, giúp các em có kết quả học tập cao hơn. □

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Thạc - Phạm Thành Nghị (1995). *Tâm lí học sư phạm đại học*. NXB Giáo dục.

[2] Đặng Thị Lan (2009). *Mức độ thích ứng với hoạt động học một số môn học chung và môn đọc hiểu tiếng nước ngoài của sinh viên trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội*. Luận án tiến sĩ Tâm lí học. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

[3] Đặng Thị Lan (2016). *Các yếu tố ảnh hưởng đến khó khăn tâm lí trong hoạt động học ngoại ngữ của sinh viên dân tộc thiểu số năm thứ nhất trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội*. Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, tập 32, số 1.

[4] Nguyễn Thị Út Sáu (2013). *Thích ứng với hoạt động học tập theo tín chỉ của sinh viên Đại học Thái Nguyên*. Luận án tiến sĩ Tâm lí học. Học viện Khoa học Xã hội và Nhân văn.

[5] Vũ Dũng (2000). *Từ điển Tâm lí học*. NXB Khoa học xã hội.

[6] Herbert Spencer (1998). *The Principles of Psychology*. Vol 1, New York.

Tăng cường quản lí nhằm nâng cao...

(Tiếp theo trang 38)

Cần chủ động liên kết với các khoa, bộ môn ở các trường đại học có liên quan trong khu vực để tổ chức các lớp bồi dưỡng kĩ năng sư phạm, tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, GV; đồng thời, động viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho họ học tập, nghiên cứu, cập nhật những kiến thức, thông tin mới về quốc phòng - an ninh để không ngừng nâng cao trình độ; cơ quan chức năng của các bộ chủ quản (Bộ GD-ĐT, Bộ Quốc phòng) cần tham mưu, đề xuất, xây dựng và trình phê duyệt, ban hành các cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp để đội ngũ cán bộ, GV làm nhiệm vụ giảng dạy bộ môn GDQP-AN yên tâm, gắn bó với công việc.

2.5. Xây dựng nền nếp tự học cho SV. Đây là một biện pháp quan trọng nhằm nâng cao kết quả học tập, nền nếp của người học được thể hiện ở việc chấp hành nghiêm túc, hiệu quả mọi nội quy, quy chế về học tập đối với các quy định của nhà trường; giúp cho SV có ý thức chấp hành chế độ, nhiệm vụ học tập một cách tự giác, tích cực và chủ động.

Cần xây dựng ý thức học tập nghiêm túc ngay từ những buổi học đầu tiên, làm tốt công tác đánh giá chất lượng, ý thức học tập của SV sau mỗi buổi học; thường xuyên động viên khuyến khích SV tự học, tự vươn lên trong học tập; giúp SV định hướng xây dựng kế hoạch học tập, cụ thể là: xác định thời gian học trên lớp; thời gian tự học ở nhà; mục tiêu phấn đấu, biện pháp thực hiện... Thường xuyên làm tốt công tác đánh giá, rút kinh nghiệm đối với đội ngũ cán bộ, GV trong

việc quản lí, đôn đốc SV chấp hành các quy định, nội quy, kỉ luật trong giờ học, buổi học. Báo cáo, tổng hợp, rút kinh nghiệm và tiến hành biểu dương cũng như nhắc nhở, phê bình kịp thời với các cá nhân trong việc chấp hành các nội quy, quy định, chế độ học tập, thông qua các buổi học và sinh hoạt hàng ngày.

Tăng cường quản lí hoạt động dạy học GDQP-AN hiện nay là yêu cầu quan trọng của người cán bộ quản lí nhằm nâng cao chất lượng dạy và học bộ môn trong giai đoạn hiện nay. Thực hiện tốt các biện pháp nêu trên sẽ khắc phục được những mặt hạn chế, yếu kém trong công tác quản lí dạy học GDQP-AN, góp phần nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò môn học cho SV. Tuy nhiên, để các biện pháp trên được thực hiện và triển khai hiệu quả, trong quá trình thực hiện, cần vận dụng một cách linh hoạt dựa trên tình hình thực tiễn của đơn vị để chỉ đạo và tổ chức thực hiện cho phù hợp và đạt được hiệu quả cao nhất. □

[1] Hà Văn Công (2005). *Giáo dục quốc phòng cho học sinh, sinh viên sau 5 năm thực hiện chỉ thị 62-CT/TW của Bộ Chính trị*. Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 174; tr 12-17.

[2] Nguyễn Thị Doan (1998). *Trường đại học với nhiệm vụ giáo dục quốc phòng*. Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 95; tr 34-39.

[3] Trần Khánh Đức (2004). *Quản lí và kiểm định chất lượng đào tạo nhân lực theo ISO&TQM*. NXB Giáo dục.

[4] Bùi Minh Hiền (2011). *Quản lí giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.

[5] Trần Kiểm (2010). *Tiếp cận hiện đại trong quản lí giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.